

Bản án số: 33/2025/DS-ST

Ngày: 29-9-2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Vũ, ông Trần Thanh Hoài

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6- Quảng Ngãi (Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ cũ), mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N. Địa chỉ: Số B L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Ngọc T - Giám đốc Ngân hàng A1 chi nhánh B, Quảng Ngãi (theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc - Ngân hàng N1 và PTNNVN “V/v: Ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án”).

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thế V1 - Phó Giám đốc Ngân hàng A1 chi nhánh B, Quảng Ngãi (Theo Giấy ủy quyền số 04/QĐ-NHNo.BT ngày 16/01/2023) (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị L, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi (địa chỉ trước sáp nhập: Tổ dân phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi) (Có đơn xin vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Trần Nhật T1, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn N, xã B, tỉnh Quảng

Ngãi (địa chỉ trước sáp nhập: Tổ dân phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi) (Có đơn xin vắng mặt).

- Bà Phan Thị Kim A, sinh năm 1968; nơi thường trú: Số E đường số B khu phố A, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi tạm trú: Số D T, khu phố A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 01 năm 2025 và quá trình tố tụng, nguyên đơn và người đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là A1) trình bày:

Ngày 27/9/2018, Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng số 4509LAV201801580 với bà Bùi Thị L. Theo hợp đồng, số tiền vay là 100.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 27/9/2018, lãi suất 10,5%/năm, mục đích vay để phục vụ sản xuất nông nghiệp. Việc bà L vay vốn tại Ngân hàng đã được ông Trần Nhật T1 ủy quyền.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L cùng ông T1 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo kỳ hạn đã thỏa thuận. Đến ngày 27/9/2022, khoản vay đã quá hạn. Tính đến ngày 29/9/2025, dư nợ gốc còn 97.000.000 đồng, nợ lãi là 50.799.448 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 147.799.488 đồng.

Khoản vay nêu trên không có tài sản bảo đảm, được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Ngân hàng nhiều lần gửi thông báo thu hồi nợ, giấy mời làm việc nhưng bà Bùi Thị L, ông Trần Nhật T1 không hợp tác, không phối hợp giải quyết nghĩa vụ trả nợ, dẫn đến khoản vay chuyển sang nợ quá hạn trên 360 ngày, thuộc nhóm nợ có khả năng mất vốn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án:

Buộc bà Bùi Thị L, ông Trần Nhật T1 phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tính đến ngày 29/9/2025 là 147.799.488 đồng (*Một trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng*), trong đó nợ gốc 97.000.000 đồng, nợ lãi 50.799.448 đồng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4509LAV 201700927 ngày 12/5/2017 kể từ ngày 30/9/2025 cho đến ngày thực tế bà Bùi Thị L, ông Trần Nhật T1 trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng N.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Bùi Thị L và người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan ông Trần Nhật T1 cùng trình bày:

Vào ngày 27/9/2018 bà L có ký sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn với A1 Chi nhánh huyện B (nay là A1 chi nhánh B) vay số tiền 100.000.000đồng, mục đích vay: kinh doanh cải thiện kinh tế vợ chồng, lãi suất vay: 10,5%/năm, lãi suất quá hạn 15.750%, vay không có tài sản đảm bảo. Vợ chồng chị L đã nhận đủ số tiền vay nêu trên. Sau khi vay, do kinh tế vợ chồng gặp khó khăn nên vợ chồng chị L không trả được gốc và lãi đúng như thỏa thuận trong sổ vay vốn, vợ chồng chị L đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 3.000.000đồng, trả lãi từ ngày 27/9/2018 đến ngày 27/9/2021 là 31.050.312 đồng. Từ ngày 28/9/2021 cho đến nay vợ chồng bà L chưa trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng.

Nay A1 yêu cầu vợ chồng bà L phải trả cho A1 toàn bộ số tiền tính đến ngày 14/01/2025 là 137.042.454đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu không trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm năm bốn đồng), (trong đó, nợ gốc: 97.000.000đồng, nợ lãi 40.042.454 đồng) và phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 4509LAV 201801580 kể từ ngày 15/01/2025 cho đến ngày thực tế vợ chồng bà L trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng N thì vợ chồng bà L đồng ý trả nợ cho A1.

Bà Phan Thị Kim A không biết và không liên quan đến khoản vay nêu trên nên trách nhiệm trả nợ cho A1 là của vợ chồng bà L.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Kim A trình bày:

Việc bà Bùi Thị L, ông Trần Nhật T1 vay tiền tại A1 Chi nhánh huyện B (nay là A1 Chi nhánh B) vào năm 2018 thì bà A không biết, vợ chồng ông T1 vay tiền sử dụng vào mục đích gì bà A cũng không biết và không liên quan. Tại thời điểm đó bà A sống và buôn bán tại thôn N, xã B, huyện B (nay là xã B), tỉnh Quảng Ngãi, còn vợ chồng T1 sinh sống tại tổ dân phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi) nên bà A không biết về khoản vay của vợ chồng T1.

Bà A không liên quan đến khoản vay của vợ chồng ông T1 nên bà A đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không triệu tập bà đến Tòa án và không tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Bùi Thị L có nơi thường trú tại thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi (địa chỉ trước sáp nhập: Tổ dân phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi); căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Bùi Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Nhật T1, bà Phan Thị Kim A có đơn xin vắng mặt; căn cứ theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung hợp đồng tín dụng: Xét hợp đồng tín dụng số 4509LAV201801580 ngày 27/9/2018 được ký kết giữa Ngân hàng và bà Bùi Thị L, số tiền vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 10,5%/năm, mục đích vay để sản xuất nông nghiệp. Quá trình thực hiện, bà L cùng ông Trần Nhật T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo đúng kỳ hạn đã thỏa thuận, dẫn đến hợp đồng bị quá hạn từ ngày 27/9/2022. Đến ngày 29/9/2025, dư nợ gốc còn 97.000.000 đồng, nợ lãi phát sinh 50.799.448 đồng, tổng cộng 147.799.488 đồng.

[4] Về trách nhiệm liên đới trả nợ đối với giao dịch do một bên thực hiện: Theo Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 4509LAV 201801580 ngày 27/9/2018, thì người đứng tên vay là bà Bùi Thị L nhưng tại giấy ủy quyền ngày 24 tháng 9 năm 2018 ông Trần Nhật T1 ủy quyền cho bà Bùi Thị L thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng N và ông Trần Nhật T1 cũng đồng ý trả nợ cho Ngân hàng; đối với bà Phan Thị Kim A không biết việc bà Bùi Thị L, ông Trần Nhật T1 vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tại Ngân hàng N – Chi nhánh B nên bà A đề nghị Tòa án không đưa bà A vào tham gia tố tụng; mặt khác tại phiên tòa Ngân hàng cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với bà Phan Thị Kim A trong vụ án này nên xác định nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N là của bà Bùi Thị L, ông Trần Nhật T1.

[5] Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và bà L là hợp đồng hợp pháp, được xác lập trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự 2015 về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự và Điều 90 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Trong hợp đồng đã thỏa thuận rõ ràng về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất và nghĩa vụ trả nợ. Do đó, các bên phải có trách nhiệm thực hiện đúng cam kết.

Tuy nhiên, bà L, ông T1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật

Dân sự 2015 (nghĩa vụ của bên vay). Việc Ngân hàng yêu cầu buộc bà L, ông T1 phải trả toàn bộ nợ gốc, lãi tính đến ngày 29/9/2025 và tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ là hoàn toàn có cơ sở pháp luật, phù hợp với Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 và Luật Các tổ chức tín dụng.

[6] Về lãi suất sau ngày xét xử: Các bên đã có thỏa thuận về lãi suất trong hợp đồng tín dụng; thỏa thuận này không vượt quá mức trần lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng N2 trong từng thời kỳ, nên được pháp luật công nhận. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của Ngân hàng buộc bà L, ông T1 tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi trả hết nợ gốc là có căn cứ, phù hợp Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bà Bùi Thị L, ông Trần Nhật T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể: $147.799.488 \text{ đồng} \times 5\% = 7.390.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung 2017); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N (A1).
2. Buộc bà Bùi Thị L, ông Trần Nhật T1 phải trả cho Ngân hàng N số tiền nợ tính đến ngày 29/9/2025 là 147.799.488 đồng (*Một trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng*), trong đó: Nợ gốc: 97.000.000 đồng; Nợ lãi: 50.799.448 đồng.
3. Kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc, bà Bùi Thị L, ông Trần Nhật T1 còn phải tiếp tục chịu khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 4509LAV 201801580 đối với số tiền gốc chưa thanh toán.
4. Về án phí: Bà Bùi Thị L, ông Trần Nhật T1 phải liên đới chịu số tiền 7.390.000 đồng (*Bảy triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N (A1) không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N thông qua người được ủy quyền lại là ông **Nguyễn Thế V1** - Phó Giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh B số tiền tạm ứng án phí 3.426.000đồng (*Ba triệu bốn trăm hai mươi sáu ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001603 ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Quảng Ngãi).

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

6. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án có quyền thỏa thuận, yêu cầu thi hành án, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 6-Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Ngoan